

Bản án số: 10/2024/DS-ST

Ngày: 09 - 01 - 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Á

Bà Trần Thị Thu Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Tuyên là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 301/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn M, sinh năm 1965

Địa chỉ: Khu phố 3, phường Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

2. *Bị đơn:* Anh Phạm C, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Phạm Thị D, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định

(Ông M, anh C có mặt, chị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Lê Văn M trình bày:

Từ năm 2018 cho đến năm 2020, vợ chồng anh Phạm C, chị Phạm Thị D có mua thức ăn chăn nuôi của ông M và còn nợ lại ông M số tiền 193.215.000 đồng (Một trăm chín mươi ba triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng). Ông M đòi nhiều lần nhưng không chịu trả. Do đó, ông M yêu cầu Tòa giải quyết buộc vợ chồng anh C, chị D phải có trách nhiệm trả lại cho ông số tiền còn nợ nói trên. Ông M yêu cầu vợ chồng anh C, chị D trả một lần số tiền nợ cho ông. Ông không yêu cầu lãi suất. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản tự khai ngày 03/11/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm C trình bày:

Từ năm 2018 cho đến năm 2020, vợ chồng anh C có mua thức ăn chăn nuôi của ông Lê Văn M và hiện còn nợ lại của ông M số tiền 193.215.000 đồng (Một trăm chín mươi ba triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng) như ông M trình bày là đúng. Vì làm ăn thua lỗ, điều kiện kinh tế khó khăn nên vợ chồng anh C chưa có điều kiện trả nợ cho ông M. Nay ông M khởi kiện yêu cầu trả nợ thì anh C xin trả dần cho ông M mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Mong Tòa xem xét giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị D không nộp văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo của Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng có nguyên đơn và bị đơn anh Phạm C chấp hành đúng quy định của pháp luật, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị D không chấp hành đúng quy định của pháp luật; Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, buộc vợ chồng anh Phạm C, chị Phạm Thị D liên đới trả cho ông M số tiền 193.215.000 đồng (Một trăm chín mươi ba triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng), ông M không yêu cầu trả lãi suất nên không xem xét. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm C là người khuyết tật nên được miễn án

phí, chị Phạm Thị D chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông M có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh C, chị D phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền 193.215.000 đồng (Một trăm chín mươi ba triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng) theo các giấy ghi nội dung nhận nợ từ năm 2018 đến năm 2019 và không yêu cầu trả lãi suất nên được xác định là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Điều 430 Bộ luật dân sự 2015.

Bị đơn vợ chồng anh C, chị D đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định nên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị D được Tòa án triệu tập hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị D.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của ông M, yêu cầu vợ chồng anh C, chị D cùng có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 193.215.000 đồng (Một trăm chín mươi ba triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng), thấy rằng: Anh C thừa nhận vợ chồng có mua bán thức chăn nuôi với ông M và hiện còn nợ lại số tiền 193.215.000 đồng (Một trăm chín mươi ba triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng) như ông M trình bày là đúng.

[3.1] Xét các giấy ghi nội dung nhận nợ giữa anh C và ông M thấy rằng: Trong một số giấy ghi nội dung mua bán, chị D có ghi tên để xác nhận việc trả nợ. Tại phiên tòa, anh C cũng thừa nhận vợ chồng anh cùng thực hiện giao dịch mua bán với ông M và còn nợ ông M số tiền 193.215.000 đồng (Một trăm chín mươi ba triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng), nhưng vì chị D bận công việc nên không đến Tòa để trình bày ý kiến được.

Điều này cho thấy hợp đồng mua bán tài sản giữa ông M và vợ chồng anh C, chị D là có thật và hợp pháp, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu chị D có mặt tại Tòa để làm việc nhưng chị D không hợp tác, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các Điều 91; 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, chị D không có mặt để trình bày ý kiến, tuy nhiên, việc mua bán này được anh C thừa nhận và mục đích là để phục vụ chi tiêu chung, trang trải cuộc sống hàng ngày của gia đình, chăm lo các con ăn học. Đây là những nhu cầu thiết yếu của gia đình được quy định tại các điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình nên buộc chị D cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng anh C là phù hợp.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc vợ chồng anh C, chị D không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông M. Do đó, việc ông M khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh C, chị D phải trả cho ông M số tiền 193.215.000 đồng), không yêu cầu lãi suất là phù hợp theo quy định tại điều 430, 440 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc bị đơn đề nghị xin được trả dần số nợ trên không được ông M đồng ý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng anh C, chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.660.750 đồng (193.215.000.000 x 5%). Tuy nhiên, anh C là người khuyết tật nên được miễn án phí phần của anh C, còn lại chị D phải chịu án phí 4.830.375 đồng (Bốn triệu tám trăm ba mươi nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng).

[6] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 288, 357, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M.

Buộc vợ chồng anh Phạm C, chị Phạm Thị D liên đới trả cho ông Lê Văn M số tiền 193.215.000 đồng (Một trăm chín mươi ba triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm C là người khuyết tật nên được miễn án phí. Chị Phạm Thị D phải chịu 4.830.375 đồng (Bốn triệu tám trăm ba mươi nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho ông Lê Văn M số tiền 4.830.375 đồng (Bốn triệu tám trăm ba mươi nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp theo Biên lai thu số 0003179 ngày 27 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phương

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Phương